

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN
TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

MỤC LỤC

| | |
|---|---------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Ban Giám đốc | 2 - 3 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 4 |
| 4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 5 - 8 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 9 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 10 - 11 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 12 - 26 |
| 8. Phụ lục | 27 - 29 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tân Cảng – Phú Hữu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0309444635, đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 9 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 16 tháng 4 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Khu phố 4, Phường Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điện thoại : (84 – 28) 6288 8809
- Fax : (84 – 28) 6288 7980

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Bốc xếp hàng hóa (chi tiết: Bốc xếp hàng hóa cảng biển);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (chi tiết: Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: đại lý vận tải hàng hóa, kể cả dịch vụ liên quan tới hậu cần, lấy mẫu, cân hàng hóa, đại lý làm thủ tục hải quan, môi giới thuê tàu biển).

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|----------------------|------------|---------------------------------------|
| Ông Đặng Hoài Giang | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 04 tháng 6 năm 2018 |
| Ông Nguyễn Ngọc Thảo | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2018 |
| Ông Lê Quốc Việt | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2018 |
| Ông Nguyễn Văn Thụy | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2021 |
| Ông Nguyễn Năng Toàn | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2022 |
| Ông Ngô Ngọc Khánh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2022 |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|------------------------|------------|--------------------------|
| Bà Lê Thị Huyền | Trưởng ban | Ngày 01 tháng 6 năm 2018 |
| Ông Nguyễn Lê Bảo Quốc | Thành viên | Ngày 25 tháng 5 năm 2018 |
| Ông Trần Tất Thắng | Thành viên | Ngày 25 tháng 5 năm 2018 |

Ban Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm |
|---------------------|--------------|--|
| Ông Nguyễn Văn Thụy | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2021 |
| Ông Lê Quốc Việt | Phó Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 10 năm 2021 |
| Ông Võ Xuân Chung | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2020 |

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Thụy - Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2021).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Nguyễn Văn Thụy
Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2023



A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Head Office : 02 Trương Sơn St., Ward 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam

Branch in Nha Trang : Lot STH06A01, St. No.13, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam

Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam

Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn

Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn

Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn

Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn



www.a-c.com.vn

Số: 1.0490/23/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2023, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Minh Tri

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0089-2023-008-1

Người được ủy quyền

Nguyễn Phước Hồng Hạnh

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2058-2023-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 117.559.946.224 | 109.844.376.298 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 69.152.586.323 | 57.190.738.390 |
| 1. Tiền | 111 | | 9.152.586.323 | 32.190.738.390 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 60.000.000.000 | 25.000.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 10.000.000.000 | - |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2 | 10.000.000.000 | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 38.008.532.986 | 48.107.900.781 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 36.872.186.041 | 46.974.709.674 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 423.454.500 | 488.141.000 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5 | 827.492.070 | 701.335.755 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.6 | (114.599.625) | (56.285.648) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | - | - |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 398.826.915 | 4.545.737.127 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.7 | 398.826.915 | 547.459.565 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | - | 3.998.277.562 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | - | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 231.864.836.315 | 273.788.840.302 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | | - | - |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 231.864.836.315 | 273.425.562.236 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.8 | 231.864.836.315 | 273.425.562.236 |
| - Nguyên giá | 222 | | 456.638.079.748 | 456.638.079.748 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (224.773.243.433) | (183.212.517.512) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | | - | - |
| - Nguyên giá | 228 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | - | - |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| - Nguyên giá | 231 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | - | - |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | - | - |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | - | 363.278.066 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | - | 363.278.066 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 349.424.782.539 | 383.633.216.600 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 131.463.262.871 | 171.691.779.557 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 60.619.506.886 | 72.313.092.800 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.9 | 13.431.274.326 | 24.832.798.317 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 11.362.000 | 25.620.000 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.10 | 4.891.072.828 | 1.810.857.171 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | V.11 | 8.995.696.843 | 6.164.471.300 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | 25.000.000 | - |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.12 | 491.858.172 | 415.991.018 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.13a | 28.534.930.772 | 32.600.992.752 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.14 | 4.238.311.945 | 6.462.362.242 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 70.843.755.985 | 99.378.686.757 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.13b | 70.843.755.985 | 99.378.686.757 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 217.961.519.668 | 211.941.437.043 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 217.961.519.668 | 211.941.437.043 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | V.15 | 161.000.000.000 | 161.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 161.000.000.000 | 161.000.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | V.15 | 30.717.451.003 | 24.509.172.316 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | V.15 | 26.244.068.665 | 26.432.264.727 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 223.609 | 26.432.264.727 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | 26.243.845.056 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 349.424.782.539 | 383.633.216.600 |




 Nguyễn Thị Ngọc Thạch
 Người lập


 Trần Thị Việt Hà
 Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2023


 Nguyễn Văn Thụy
 Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

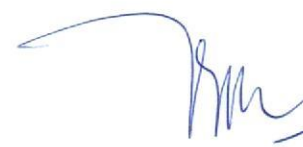
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND | |
|--|-------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 339.862.216.493 | 328.659.891.538 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 339.862.216.493 | 328.659.891.538 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 256.816.162.471 | 248.545.152.316 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 83.046.054.022 | 80.114.739.222 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 2.054.947.900 | 851.224.011 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | | 10.029.979.960 | 9.339.275.487 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 10.029.979.960 | 9.339.275.487 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.4 | 23.739.858.000 | 21.015.424.620 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 51.331.163.962 | 50.611.263.126 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 1.046.436 | 19.993.905 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 17.016.435 | 120.369.099 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | (15.969.999) | (100.375.194) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 51.315.193.963 | 50.510.887.932 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.10 | 10.286.682.579 | 10.109.441.431 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>41.028.511.384</u> | <u>40.401.446.501</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.5 | <u>1.977</u> | <u>1.976</u> |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.5 | <u>1.977</u> | <u>1.976</u> |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2023


 Nguyễn Thị Ngọc Thạch
 Người lập


 Trần Thị Việt Hà
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Văn Thuy
 Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------|------------------------|-------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 51.315.193.963 | 50.510.887.932 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | V.8 | 41.560.725.921 | 36.045.520.807 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | V.6 | 58.313.977 | (24.875.802) |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | - | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | VI.3 | (2.054.947.900) | (851.224.011) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | 10.029.979.960 | 9.339.275.487 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 100.909.265.921 | 95.019.584.413 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 14.366.838.230 | 49.985.821.624 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | - | - |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | (7.594.604.002) | (33.477.939.179) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 511.910.716 | 1.291.446.751 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (10.029.979.960) | (9.339.275.487) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | V.10 | (8.129.682.014) | (11.475.759.597) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | V.14 | (11.472.479.056) | (8.875.109.321) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 78.561.269.835 | 83.128.769.204 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | - | (48.567.012.293) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | V.2 | (30.000.000.000) | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | V.2 | 20.000.000.000 | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | V.5, VI.3 | 1.727.441.050 | 979.607.573 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (8.272.558.950) | (47.587.404.720) |

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------|-------------------------|------------------------|
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | | - | 52.000.000.000 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.13 | (32.600.992.752) | (29.600.992.752) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | V.12, V.15 | (25.725.870.200) | (26.589.298.897) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (58.326.862.952) | (4.190.291.649) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | 11.961.847.933 | 31.351.072.835 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 57.190.738.390 | 25.839.665.555 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 69.152.586.323 | 57.190.738.390 |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2023


Nguyễn Thị Ngọc Thạch
Người lập


Trần Thị Việt Hà
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Thuy
Giám đốc

1987
NG T
EM HỮ
H VÀ T
& C
T.P HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tân Cảng – Phú Hữu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: cho thuê cơ sở hạ tầng; bốc xếp, đóng gói, rút ruột, nâng hạ hàng hóa và các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến cảng biển, vận tải.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 155 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 154 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 02 năm.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 12 |
| Máy móc và thiết bị | 10 - 12 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 10 |
| Tài sản cố định hữu hình khác | 04 - 05 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

10. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị.

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

14. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một Cơ quan thuế:

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt | 209.051.000 | 285.344.000 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 8.943.535.323 | 31.905.394.390 |
| Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng) | 60.000.000.000 | 25.000.000.000 |
| Cộng | <u>69.152.586.323</u> | <u>57.190.738.390</u> |

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi tiết kiệm ngân hàng có kỳ hạn 6 tháng.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Phải thu bên liên quan | <u>29.875.072.824</u> | <u>39.331.831.732</u> |
| Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | 29.875.072.824 | 39.331.831.732 |
| Phải thu các khách hàng khác | <u>6.997.113.217</u> | <u>7.642.877.942</u> |
| Cộng | <u>36.872.186.041</u> | <u>46.974.709.674</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|--------------------|--------------------|
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đầu tư Phúc Giang | 315.000.000 | 315.000.000 |
| Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng | 108.454.500 | 173.141.000 |
| Cộng | 423.454.500 | 488.141.000 |

5. Phải thu ngắn hạn khác

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|--------------------|----------|--------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Phải thu các bên liên quan | 20.000.000 | - | 20.000.000 | - |
| Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Phải thu khác | 20.000.000 | - | 20.000.000 | - |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | 807.492.070 | - | 681.335.755 | - |
| Tạm ứng | 21.312.004 | - | 144.433.699 | - |
| Lãi dự thu tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn | 347.232.877 | - | 19.726.027 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 438.947.189 | - | 517.176.029 | - |
| Cộng | 827.492.070 | - | 701.335.755 | - |

6. Nợ xấu

| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|--|----------------------|--------------------|------------------------|-------------------|--------------------|------------------------|
| | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Phải thu tiền hàng | | | | | | |
| Công ty TNHH Chế biến gỗ An An | | - | - | Trên 03 năm | 56.285.648 | - |
| Công ty TNHH Vận tải biển và Đầu tư Phi Mã | Trên 03 năm | 106.779.360 | 106.779.360 | Trên 03 năm | 106.779.360 | 106.779.360 |
| Công ty TNHH Nguyễn Duy | Từ 02 năm đến 03 năm | 229.199.250 | 114.599.625 | Từ 01 đến 02 năm | 229.199.250 | 229.199.250 |
| Cộng | | 335.978.610 | 221.378.985 | | 392.264.258 | 335.978.610 |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------------|--------------------|-------------------|
| Số đầu năm | 56.285.648 | 81.161.450 |
| Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng | 58.313.977 | (24.875.802) |
| Số cuối năm | 114.599.625 | 56.285.648 |

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Tài sản cố định hữu hình khác | Cộng |
|---------------------------------------|------------------------|------------------------|---------------------------------|-------------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 273.946.568.745 | 181.425.183.730 | 1.052.727.273 | 213.600.000 | 456.638.079.748 |
| Phân loại lại | 138.600.000 | - | - | (138.600.000) | - |
| Số cuối năm | 274.085.168.745 | 181.425.183.730 | 1.052.727.273 | 75.000.000 | 456.638.079.748 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 321.786.440 | - | - | - | 321.786.440 |
| Chờ thanh lý | - | - | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 119.431.466.431 | 63.368.192.888 | 315.818.169 | 97.040.024 | 183.212.517.512 |
| Khấu hao trong năm | 25.484.112.821 | 15.952.590.373 | 105.272.727 | 18.750.000 | 41.560.725.921 |
| Phân loại lại | 67.100.520 | 1.814.491 | 13 | (68.915.024) | - |
| Số cuối năm | 144.982.679.772 | 79.322.597.752 | 421.090.909 | 46.875.000 | 224.773.243.433 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 154.515.102.314 | 118.056.990.842 | 736.909.104 | 116.559.976 | 273.425.562.236 |
| Số cuối năm | 129.102.488.973 | 102.102.585.978 | 631.636.364 | 28.125.000 | 231.864.836.315 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - |

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 206.845.621.196 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Đông Sài Gòn và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Sài Gòn (xem thuyết minh số V.13b).

9. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 273.113.208 | 289.630.750 |
| Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | 273.113.208 | 289.630.750 |
| Phải trả các nhà cung cấp khác | 13.158.161.118 | 24.543.167.567 |
| Công ty TNHH Gia Việt Khang Vina | 1.645.920.000 | 3.405.600.000 |
| Công ty TNHH Sài Gòn Container Phú Hữu | 795.218.742 | 5.254.642.303 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Vận tải và Công nghiệp Quang Minh | 3.942.472.440 | 4.054.369.000 |
| Các nhà cung cấp khác | 6.774.549.936 | 11.828.556.264 |
| Cộng | 13.431.274.326 | 24.832.798.317 |

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | Số cuối năm |
|----------------------------|----------------------|-----------------------|--------------------------|----------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | - | 9.546.195.934 | (8.541.367.726) | 1.004.828.208 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.609.441.431 | 10.286.682.579 | (8.129.682.014) | 3.766.441.996 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 201.415.740 | 995.978.193 | (1.077.591.309) | 119.802.624 |
| Các loại thuế khác | - | 3.000.000 | (3.000.000) | - |
| Cộng | 1.810.857.171 | 20.831.856.706 | (17.751.641.049) | 4.891.072.828 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 51.315.193.963 | 50.510.887.932 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 17.016.018 | 36.319.222 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | - | - |
| Thu nhập tính thuế | 51.332.209.981 | 50.547.207.154 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| <i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i> | <i>10.266.441.996</i> | <i>10.109.441.431</i> |
| <i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i> | <i>20.240.583</i> | <i>-</i> |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | <u>10.286.682.579</u> | <u>10.109.441.431</u> |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi Cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

11. Phải trả người lao động

Tiền lương, tiền thưởng còn phải trả người lao động.

12. Phải trả ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|---------------------------|---------------------------|
| Cổ tức phải trả | 94.280.404 | 60.150.604 |
| Kinh phí công đoàn, đoàn phí, bảo hiểm xã hội | 211.510.677 | 169.443.323 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 186.067.091 | 186.397.091 |
| Cộng | <u>491.858.172</u> | <u>415.991.018</u> |

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

13. Vay

13a. Vay ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| <i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.13b)</i> | | |
| Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Đông Sài Gòn | 19.534.930.772 | 29.600.992.752 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Sài Gòn | 9.000.000.000 | 3.000.000.000 |
| Cộng | <u>28.534.930.772</u> | <u>32.600.992.752</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty có khả năng trả được khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Số đầu năm | 32.600.992.752 | 29.600.992.752 |
| Kết chuyển từ vay dài hạn | 28.534.930.772 | 32.600.992.752 |
| Số tiền vay đã trả | <u>(32.600.992.752)</u> | <u>(29.600.992.752)</u> |
| Số cuối năm | <u>28.534.930.772</u> | <u>32.600.992.752</u> |

13b. Vay dài hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Đông Sài Gòn ⁽ⁱ⁾ | 30.843.755.985 | 50.378.686.757 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Sài Gòn ⁽ⁱⁱ⁾ | 40.000.000.000 | 49.000.000.000 |
| Cộng | <u>70.843.755.985</u> | <u>99.378.686.757</u> |

(i) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Đông Sài Gòn để thực hiện dự án đầu tư nâng cấp cảng Tân Cảng Phú Hữu với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay tối đa 12 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng chính các tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.8).

(ii) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Sài Gòn để đầu tư mua tài sản cố định là 02 cầu khung lớp Kalmar RTG, lãi suất 7,8%/năm cố định trong 02 năm đầu, sau đó thay đổi theo thông báo của Ngân hàng, thời hạn vay 82 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng chính các tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.8).

Công ty có khả năng trả được khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán khoản vay dài hạn như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------|------------------------------|-------------------------------|
| Từ 01 năm trở xuống | 28.534.930.772 | 32.600.992.752 |
| Trên 01 năm đến 05 năm | 57.769.776.000 | 71.862.372.507 |
| Trên 05 năm | 13.073.979.985 | 27.516.314.250 |
| Số cuối năm | <u>99.378.686.757</u> | <u>131.979.679.509</u> |

Chi tiết số phát sinh về khoản vay dài hạn trong năm như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Số đầu năm | 99.378.686.757 | 79.979.679.509 |
| Số tiền vay phát sinh | - | 52.000.000.000 |
| Kết chuyển sang vay ngắn hạn | <u>(28.534.930.772)</u> | <u>(32.600.992.752)</u> |
| Số cuối năm | <u>70.843.755.985</u> | <u>99.378.686.757</u> |

13c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Số đầu năm | 6.462.362.242 | 195.899.423 |
| Tăng do trích lập từ lợi nhuận | 9.248.428.759 | 15.141.572.140 |
| Chi quỹ | (11.472.479.056) | (8.875.109.321) |
| Số cuối năm | <u>4.238.311.945</u> | <u>6.462.362.242</u> |

15. Vốn chủ sở hữu**15a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | <u>Vốn góp của chủ sở hữu</u> | <u>Quỹ đầu tư phát triển</u> | <u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u> | <u>Cộng</u> |
|-----------------------------------|-------------------------------|------------------------------|--|-------------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 161.000.000.000 | 8.333.182.691 | 43.913.379.991 | 213.246.562.682 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | 40.401.446.501 | 40.401.446.501 |
| Trích lập các quỹ trong năm trước | - | 16.175.989.625 | (31.317.561.765) | (15.141.572.140) |
| Chia cổ tức trong năm trước | - | - | (26.565.000.000) | (26.565.000.000) |
| Số dư cuối năm trước | <u>161.000.000.000</u> | <u>24.509.172.316</u> | <u>26.432.264.727</u> | <u>211.941.437.043</u> |
| Số dư đầu năm nay | 161.000.000.000 | 24.509.172.316 | 26.432.264.727 | 211.941.437.043 |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | - | 41.028.511.384 | 41.028.511.384 |
| Trích lập các quỹ trong năm nay | - | 6.208.278.687 | (15.456.707.446) | (9.248.428.759) |
| Chia cổ tức trong năm nay | - | - | (25.760.000.000) | (25.760.000.000) |
| Số dư cuối năm nay | <u>161.000.000.000</u> | <u>30.717.451.003</u> | <u>26.244.068.665</u> | <u>217.961.519.668</u> |

15b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé | 72.692.000.000 | 72.692.000.000 |
| Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | 58.154.000.000 | 58.154.000.000 |
| Công ty Container Sài Gòn (TNHH) | 10.495.810.000 | 10.495.810.000 |
| Các cổ đông khác | 19.658.190.000 | 19.658.190.000 |
| Cộng | <u>161.000.000.000</u> | <u>161.000.000.000</u> |

15c. Cổ phiếu

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 16.100.000 | 16.100.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 16.100.000 | 16.100.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 16.100.000 | 16.100.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 16.100.000 | 16.100.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 16.100.000 | 16.100.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2021 và tạm phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và Nghị quyết số 08/NQ-HĐQT ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:

| | Số được phân phối từ lợi nhuận 2021 | Số đã tạm trích trong năm trước | Số trích bổ sung trong năm nay | Số tạm trích từ lợi nhuận 2022 | Tổng cộng |
|--|---|---------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|-----------------------|
| Trích Quỹ đầu tư phát triển | 6.003.858.114 | 5.712.445.755 | 291.412.359 | 5.916.866.328 | 6.208.278.687 |
| Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 8.307.108.387 | 8.256.959.628 | 50.148.759 | 8.867.800.000 | 8.917.948.759 |
| Trích thù lao, thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành | 330.480.000 | - | 330.480.000 | - | 330.480.000 |
| Chia cổ tức (1.600 VND/cổ phiếu) | 25.760.000.000 | - | 25.760.000.000 | - | 25.760.000.000 |
| Cộng | 40.401.446.501 | 13.969.405.383 | 26.432.041.118 | 14.784.666.328 | 41.216.707.446 |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng | 123.361.438.176 | 130.487.155.429 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 216.500.778.317 | 198.172.736.109 |
| Cộng | 339.862.216.493 | 328.659.891.538 |

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho bên liên quan

Doanh thu cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm cho Công ty TNHH MTV Tân Cảng Sài Gòn là 266.680.262.368 VND (năm trước là 303.664.568.018 VND).

2. Giá vốn hàng bán

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------------|------------------------|------------------------|
| Giá vốn cho thuê cơ sở hạ tầng | 83.857.054.100 | 86.101.770.807 |
| Giá vốn cung cấp dịch vụ | 172.959.108.371 | 162.443.381.509 |
| Cộng | 256.816.162.471 | 248.545.152.316 |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng.

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 13.359.131.843 | 13.156.510.164 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 1.683.645.943 | 1.130.860.380 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 18.750.000 | 18.750.000 |
| Thuế, phí và lệ phí | 167.715.697 | 85.173.726 |
| (Hoàn nhập)/Dự phòng phải thu khó đòi | 58.313.977 | (24.875.802) |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.048.584.556 | 1.119.561.829 |
| Các chi phí khác | 6.403.715.984 | 5.529.444.323 |
| Cộng | 23.739.858.000 | 21.015.424.620 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Lãi trên cổ phiếu

5a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|---------------------|---------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 41.028.511.384 | 40.401.446.501 |
| Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi | (8.867.800.000) | (8.256.959.628) |
| Trích thù lao, tiền thưởng Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành | (324.000.000) | (324.000.000) |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 31.836.711.384 | 31.820.486.873 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 16.100.000 | 16.100.000 |
| Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | <u>1.977</u> | <u>1.976</u> |

5b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 8.950.870.261 | 7.789.891.326 |
| Chi phí nhân công | 44.532.814.073 | 42.082.827.989 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 41.560.725.921 | 36.045.520.807 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 176.378.820.620 | 176.248.567.830 |
| Chi phí khác | 9.132.789.596 | 7.393.768.984 |
| Cộng | <u>280.556.020.471</u> | <u>269.560.576.936</u> |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm soát*

| | <u>Chức danh</u> | <u>Tiền lương</u> | <u>Thưởng</u> | <u>Thù lao</u> | <u>Cộng thu nhập</u> |
|------------------------|---|----------------------|--------------------|----------------------|----------------------|
| Năm nay | | | | | |
| Ông Đặng Hoài Giang | Chủ tịch HĐQT | - | 28.851.429 | 132.192.000 | 161.043.429 |
| Ông Nguyễn Ngọc Thảo | Thành viên HĐQT | - | 23.605.715 | 132.192.000 | 155.797.715 |
| Ông Nguyễn Năng Toàn | Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 20/5/2022) | - | 23.605.715 | 88.992.000 | 112.597.715 |
| Ông Ngô Ngọc Khánh | Thành viên HĐQT (Bỏ nhiệm ngày 20/5/2022) | - | 13.770.000 | 43.200.000 | 56.970.000 |
| Ông Nguyễn Văn Thuy | Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc | 765.950.754 | 55.229.151 | 131.544.000 | 952.723.905 |
| Ông Lê Quốc Việt | Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc | 690.019.906 | 63.361.485 | 132.192.000 | 885.573.391 |
| Ông Võ Xuân Chung | Phó Giám Đốc | 669.692.841 | 39.759.682 | - | 709.452.523 |
| Bà Lê Thị Huyền | Trưởng Ban Kiểm soát | - | 15.737.143 | 132.192.000 | 147.929.143 |
| Ông Nguyễn Lê Bảo Quốc | Thành viên Ban Kiểm soát | - | 13.114.286 | 132.192.000 | 145.306.286 |
| Ông Trần Tất Thắng | Thành viên Ban Kiểm soát | - | 13.114.286 | 132.192.000 | 145.306.286 |
| Bà Trần Thị Việt Hà | Kế toán trưởng | 526.888.221 | 26.725.163 | - | 553.613.384 |
| Cộng | | 2.652.551.722 | 316.874.055 | 1.056.888.000 | 4.026.313.777 |
| Năm trước | | | | | |
| Ông Đặng Hoài Giang | Chủ tịch HĐQT | - | 31.317.943 | 143.493.120 | 174.811.063 |
| Ông Nguyễn Ngọc Thảo | Thành viên HĐQT | - | 25.623.771 | 143.493.120 | 169.116.891 |
| Ông Nguyễn Năng Toàn | Thành viên HĐQT | - | 25.623.771 | 143.493.120 | 169.116.891 |
| Ông Nguyễn Minh Hải | Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/4/2021) | 356.030.182 | 32.725.372 | 76.377.600 | 465.133.154 |
| Ông Nguyễn Văn Thuy | Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 01/4/2021) | 510.509.812 | - | 64.800.000 | 575.309.812 |
| Ông Lê Quốc Việt | Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc | 698.907.562 | 68.426.875 | 143.493.120 | 910.827.557 |
| Ông Võ Xuân Chung | Phó Giám Đốc | 701.314.007 | 35.792.698 | - | 737.106.705 |
| Bà Lê Thị Huyền | Trưởng Ban Kiểm soát | - | 17.082.514 | 143.493.120 | 160.575.634 |
| Ông Nguyễn Lê Bảo Quốc | Thành viên Ban Kiểm soát | - | 14.235.429 | 143.493.120 | 157.728.549 |
| Ông Trần Tất Thắng | Thành viên Ban Kiểm soát | - | 14.235.429 | 143.493.120 | 157.728.549 |
| Ông Nguyễn Văn Hậu | Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 01/4/2021) | 279.627.590 | 30.691.332 | - | 310.318.922 |
| Bà Trần Thị Việt Hà | Kế toán trưởng (Bỏ nhiệm ngày 01/4/2021) | 263.004.179 | - | - | 263.004.179 |
| Cộng | | 2.809.393.332 | 295.755.134 | 1.145.629.440 | 4.250.777.906 |

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| <u>Bên liên quan</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|--|--------------------|
| Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | Cổ đông góp vốn |
| Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé | Cổ đông góp vốn |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|----------------|------------------|
| Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | | |
| Mua dịch vụ | 1.321.719.420 | 974.355.100 |
| Chia cổ tức | 9.304.640.000 | 9.595.410.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------------------|----------------|------------------|
| <i>Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé</i> | | |
| Thuê cơ sở hạ tầng, máy móc thiết bị | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 |
| Mua dịch vụ | 146.871.201 | - |
| Chia cổ tức | 11.630.720.000 | 11.994.180.000 |

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5 và V.9.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức, quản lý nội bộ của Công ty.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực cho thuê cơ sở hạ tầng: cho thuê các cơ sở hạ tầng cảng biển như kho hàng, bến, bãi, cầu cảng, ...
- Lĩnh vực dịch vụ hỗ trợ cảng biển: bốc xếp, đóng gói, rút ruột, nâng hạ hàng hóa và các dịch vụ hỗ trợ khác.

Thông tin về lĩnh vực kinh doanh theo bộ phận của Công ty được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chỉ có ở khu vực miền Nam Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2023

Nguyễn Thị Ngọc Thạch
Người lập

Trần Thị Việt Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thụy
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| | Lĩnh vực cho thuê cơ sở hạ tầng | Lĩnh vực dịch vụ hỗ trợ cảng biển | Các khoản loại trừ | Cộng |
|---|---------------------------------|-----------------------------------|--------------------|------------------------|
| Năm nay | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 123.361.438.176 | 216.500.778.317 | - | 339.862.216.493 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | - | - | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 123.361.438.176 | 216.500.778.317 | - | 339.862.216.493 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 39.504.384.076 | 43.541.669.946 | - | 83.046.054.022 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | (23.739.858.000) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | 59.306.196.022 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | 2.054.947.900 |
| Chi phí tài chính | | | | (10.029.979.960) |
| Thu nhập khác | | | | 1.046.436 |
| Chi phí khác | | | | (17.016.435) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | (10.286.682.579) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | 41.028.511.384 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | - | - | - | - |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 33.857.054.100 | 7.097.537.542 | - | 40.954.591.642 |
| Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn) | - | - | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

| | Lĩnh vực cho thuê cơ sở hạ tầng | Lĩnh vực dịch vụ hỗ trợ cảng biển | Các khoản loại trừ | Cộng |
|---|---------------------------------|-----------------------------------|--------------------|------------------------|
| Năm trước | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 130.487.155.429 | 198.172.736.109 | - | 328.659.891.538 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | - | - | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 130.487.155.429 | 198.172.736.109 | - | 328.659.891.538 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 44.385.384.622 | 35.729.354.600 | - | 80.114.739.222 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | (21.015.424.620) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | 59.099.314.602 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | 851.224.011 |
| Chi phí tài chính | | | | (9.339.275.487) |
| Thu nhập khác | | | | 19.993.905 |
| Chi phí khác | | | | (120.369.099) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | (10.109.441.431) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | 40.401.446.501 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 1.108.850.500 | 70.975.375.420 | - | 72.084.225.920 |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 28.105.807.440 | 7.468.392.840 | - | 35.574.200.280 |
| Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn) | - | - | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| | Lĩnh vực cho thuê cơ sở hạ tầng | Lĩnh vực dịch vụ hỗ trợ cảng biển | Các khoản loại trừ | Cộng |
|--|---------------------------------|-----------------------------------|--------------------|------------------------|
| Số cuối năm | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 167.691.730.653 | 62.158.877.182 | - | 229.850.607.835 |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | | 119.574.174.704 |
| Tổng tài sản | | | | 349.424.782.539 |
| | | | | |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 50.378.686.757 | 49.000.000.000 | - | 99.378.686.757 |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | 32.084.576.114 |
| Tổng nợ phải trả | | | | 131.463.262.871 |
| | | | | |
| Số đầu năm | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 172.777.143.501 | 98.012.648.023 | - | 270.789.791.525 |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | | 112.843.425.075 |
| Tổng tài sản | | | | 383.633.216.600 |
| | | | | |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 79.979.679.509 | 52.000.000.000 | - | 131.979.679.509 |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | 39.712.100.048 |
| Tổng nợ phải trả | | | | 171.691.779.557 |


Nguyễn Thị Ngọc Thạch
Người lập


Trần Thị Việt Hà
Kế toán trưởng

